

acid rain

酸雨  
suān yǔ

avalanche

雪崩  
xuě bēng

blizzard

雪灾  
xuě zāi

cold wave

寒潮  
hán cháo

disaster

灾祸  
zāi huò

disasters caused by human  
errors

人祸  
rén huò

drought

干旱  
gān hàn

earthquake

地震  
dì zhèn

famine

饥荒  
jī huāng

fire

火灾  
huǒ zāi

flood

洪水  
hóng shuǐ

frost

霜冻  
shuāng dòng  
/冻害  
dòng hài

hurricane

飓风  
jù fēng

landslide

山体滑坡  
shān tǐ huá pō

mudslide

泥石流  
ní shí liú

natural disaster

天灾  
tiān zāi

nuclear radiation

核辐射  
hé fú shè

plague

瘟疫  
wēn yì

plane crash

空难  
kōng nàn

plant diseases and insect  
pests

病虫害  
bìng chóng hài

pollution

污染  
wū rǎn

shipwreck

沉船  
chén chuán

sleet

冻雨 dòng yǔ

smog

雾霾  
wù mái

storm surge

风暴潮  
fēng bào cháo

tornado

龙卷风  
lóng juǎn fēng

traffic accident

车祸  
chē huò

tsunami

海啸  
hǎi xiào

typhoon

台风  
tái fēng

volcanic eruption

火山爆发  
huǒ shān bào fā